

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987. Thường trú: xã Quyết Tiến, huyện T, thành phố H; tạm trú: 218/10 khu phố T1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình D. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Anh Lê Đình K, sinh năm 1979; thường trú: Xã Tân Phúc, huyện N, tỉnh T; tạm trú: Số 770/22B khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình D. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1958. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

+ Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1963. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Cùng địa chỉ: xã Quyết Tiến, huyện T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện N, tỉnh T vào ngày 30/3/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/04, quyển số 03. Sau kết hôn, chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K thuê

nhà và sống tại Dĩ An, Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Khánh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay chị Hoàng Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình K.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015, sau khi ly hôn chị Hoàng Thị N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Lê Đình K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Lê Đình K vắng trong toàn bộ quá trình tố tụng và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào nhưng tại bản ý kiến ngày 18/7/2018 anh Lê Đình K trình bày:

Anh Lê Đình K và chị Hoàng Thị N trải qua thời gian dài tìm hiểu khoảng 02 năm và tiến tới hôn nhân, trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 làm ăn sa sút, thua lỗ, gia đình có nhiều áp lực, nợ nần nhiều, thời gian chăm sóc vợ con ít mong Tòa án xem xét để vợ chồng đoàn tụ, anh Khánh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương vợ con.

- Tại bản tự khai ngày 13/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Th và ông Hoàng Văn T trình bày:

Cháu Lê Hoàng Minh C đang ở với ông bà ngoại và ông, bà nhận trách nhiệm nuôi cháu ăn học, việc K, N dẫn đến ly hôn là từ hai phía.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/7/2019 và ngày 13/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Lê Đình K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 13/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện N, tỉnh T vào ngày 30/3/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/04, quyển số 03 nên quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K là hợp pháp. Chị Hoàng Thị N cho rằng trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh Lê Khánh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Anh Lê Đình K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2017 do làm ăn sa sút, không có nhiều thời gian chăm sóc vợ con nhưng không đồng ý việc có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù anh Lê Đình K không đồng ý ly hôn nhưng anh Lê Đình K không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn tình cảm; sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Đình K đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Lê Đình K không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, chị Hoàng Thị N yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015, chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong quá trình tố tụng anh Lê Đình K không có ý kiến về vấn đề con chung, tại bản tự khai ngày 13/8/2008 cháu Lê Hoàng Minh C có nguyện vọng ở với mẹ là chị Hoàng Thị N và từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Lê Đình Minh Q do chị Nhài trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bùi Thị Th và ông Hoàng Văn T là ông bà Ngoại của cháu Châu có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Hoàng Minh Châu, tuy nhiên quyền và nghĩa vụ chăm sóc con là của cha, mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận giao cháu Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị N yêu cầu anh Lê Đình K cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh Lê Đình K là người có khả năng lao động và là người không trực tiếp nuôi dưỡng con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng vì vậy chị Hoàng Thị N yêu cầu anh Lê Đình K cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp mức trung bình tại địa phương vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Hoàng Thị N. Anh Lê Đình K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Đình K có quyền đi lại thăm con.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Lê Đình K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lê Đình K (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/04, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện N, tỉnh T cấp ngày 30/3/2009)

2. Về con chung: Anh Lê Đình K, bà Bùi Thị Th và ông Hoàng Văn T giao cháu Lê Hoàng Minh C, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Lê Đình Minh Q, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị N và anh Lê Đình K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Đình K lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Hoàng Thị N nuôi con thì chị Hoàng Thị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Anh Lê Đình K có nghĩa vụ cấp nuôi con chung 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Hoàng Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Đình K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001698 ngày 22/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình D. Anh Lê Đình K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án cấp dưỡng nuôi con

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
 - VKSND thị xã D (1);
 - CC THADS thị xã D (1);
 - TAND tỉnh Bình D (1);
 - UBND xã Tân Phúc, huyện N, tỉnh T
- (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Kiều Thị Uyên